

Số: 112 /QĐ - LTTg

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ học phí
năm học 2021-2022 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Căn cứ Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông

Căn cứ Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc nhà trẻ, trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh sách học sinh Trung học cơ sở được hưởng chính sách hỗ trợ học phí năm học 2021-2022 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông (đính kèm theo danh sách 1141 học sinh).

Điều 2. Mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc nhà trẻ, trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổng kinh phí chi hỗ trợ học phí cho học sinh trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông là: 1141 học sinh x 40.000 đồng = **410.760.000 đồng** (Số tiền bằng chữ: **Bốn trăm mười triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng**).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng Văn phòng, các Tổ trưởng chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- KBNN Q8;
- Phòng GD&ĐT Q8;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Long Giao

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ NĂM HỌC 2021 - 2022
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 25/2018/NQ-HĐND NGÀY 07/12/2018 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(Đính kèm Quyết định số //2/QĐ-LTTg ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông)

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Vũ Ngọc Khánh An	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
2	Lê Nguyễn Phúc An	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
3	Lê Huỳnh Tỷ An	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
4	Nguyễn Thiên Anh	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
5	Nguyễn Lưu Gia Cát	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
6	Võ Minh Khải Duyên	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
7	Trần Hữu Khang Điền	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
8	Lưu Tuấn Hưng	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
9	Đỗ Ngân Khánh	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
10	Trịnh Thiên Kỳ	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
11	Lưu Gia Lâm	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
12	Phạm Thanh Lâm	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
13	Hoàng Phương Nhật Minh	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
14	Trương Kỳ Nam	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
15	Phạm Hoàng Kim Ngân	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
16	Trần Thị Khánh Ngọc	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
17	Nguyễn Huỳnh Phát	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
18	Mai Trần Thanh Tân	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
19	Nguyễn Đức Thiện	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
20	Thái Thanh Thư	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
21	Nguyễn Đức Tiến	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
22	Đặng Lâm Minh Trí	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	Vương Tinh Vân	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
24	Đào Thế Vinh	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
25	Bùi Triệu Vương	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
26	Nguyễn Phương Vy	6/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
27	Ngô Thanh Duy	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
28	Nguyễn Thị Ánh Dương	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
29	Nguyễn Anh Đức	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
30	Nguyễn Trần Gia Hân	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
31	Nguyễn Lê Hoàng	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
32	Tran Tony Hué	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
33	Trần Gia Huy	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
34	Bùi Trần Quốc Khánh	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
35	Nguyễn Bá Đăng Khoa	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
36	Nguyễn Khoa	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
37	Nguyễn Anh Khôi	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
38	Nguyễn Hoàng Khôi	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
39	Cù Đình Minh Khôi	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
40	Phan Nguyễn Thảo Ly	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
41	Trần Xuân Mai	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
42	Lê Ngọc Gia Nghi	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
43	Lý Bội Nhi	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
44	Lê Tuấn Phương	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
45	Trần Thu Tú Quyên	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
46	Nguyễn Phan Băng Tâm	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
47	Phan Ngọc Minh Thanh	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
48	Nguyễn Trương Đình Minh Thiện	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
49	Phùng Minh Thư	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
50	Đặng Ngọc Bích Trâm	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
51	Nguyễn Minh Trí	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
52	Nguyễn Thị Ánh Triều	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
53	Nguyễn Phú Trọng	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	Phạm Ngọc Thuý Vy	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
55	Nguyễn Lê Tường Vy	6/10	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
56	Nguyễn Lê Khánh An	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
57	Vương Thiên An	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
58	Nguyễn Văn An	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
59	Đỗ Quang Anh	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
60	Lý Võ Quỳnh Anh	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
61	Đoàn Gia Bảo	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
62	Lê Phạm Minh Bảo	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
63	Huỳnh Nguyễn Nhật Duy	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
64	Lâm Huỳnh Đức	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
65	Lâm Bảo Hân	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
66	Lê Bảo Hân	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
67	Lưu Gia Hy	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
68	Trần Gia Khang	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
69	Nguyễn Minh Khôi	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
70	Phùng Hoàng Lâm	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
71	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
72	Nguyễn Bảo Ngọc	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
73	Phạm Như Ngọc	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
74	Nguyễn Bảo Nguyên	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
75	Nguyễn Đức Uyên Nhi	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
76	Huỳnh Nhật Phú	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
77	Đinh Ngọc Khánh Quỳnh	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
78	Đặng Anh Thư	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
79	Nguyễn Phạm Minh Thy	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
80	Nguyễn Tường Vân	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
81	Nguyễn Tường Vi	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
82	Lê Phương Thảo Vy	6/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
83	Nguyễn Ngọc Đông Anh	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
84	Trương Quốc Anh	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
85	Huỳnh Lê Gia Bảo	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
86	Bùi Đỗ Hiếu Bảo	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
87	Huỳnh Minh Đạt	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
88	Phạm Ngân Hà	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
89	Dương Thái Bảo Hân	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
90	Nguyễn Đình Khải	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
91	Trần Minh Khang	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
92	Nguyễn Hoàng Văn Khánh	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
93	Trần Gia Linh	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
94	Mai Trung Nghĩa	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
95	Huỳnh Ngô Như Ngọc	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
96	Nguyễn Thiện Nhân	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
97	Tạ Nguyễn Huy Phong	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
98	Quách Vũ Khai Tâm	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
99	Trần Trang Thiên Tâm	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
100	Bùi Duy Thành	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
101	Nguyễn Minh Thắng	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
102	Nguyễn Hải Thiên	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
103	Đinh Thị Anh Thư	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
104	Nguyễn Ngọc Mai Thy	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
105	Trần Minh Trí	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
106	Đặng Văn Trọng	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
107	Trần Huỳnh Thanh Trúc	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
108	Trần Thanh Vân	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
109	Dương Nhã Ý Vy	6/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
110	Hoàng Hồ Khánh An	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
111	Nguyễn Ngọc Hà Anh	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
112	Phạm Ngọc Mộc Anh	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
113	Tăng Lâm Gia Bảo	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
114	Đặng Lê Gia Bảo	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
115	Phùng Gia Bảo	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
116	Trương Bảo Châu	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
117	Phạm Trí Dũng	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
118	Lê Trương Kiệt Đan	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
119	Lê Nguyễn Linh Đan	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
120	Lương Nguyễn Ngọc Hân	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
121	Đoàn Nguyễn Nam Kha	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
122	Trang Liêu Phúc Khang	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
123	Nguyễn Huỳnh Ngân Khánh	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
124	Lê Minh Khôi	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
125	Lâm Nguyễn Minh Khuê	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
126	Nguyễn Thảo Xuân Mai	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
127	Nguyễn Thảo Minh	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
128	Hoàng Trang My	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
129	Trần Bảo Nam	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
130	Nguyễn Bảo Nghi	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
131	Nguyễn Hồng Bảo Như	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
132	Lê Quỳnh Như	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
133	Phạm Ngô Hoàng Thạch	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
134	Trần Ngọc Bảo Thy	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
135	Đào Tông Trạch	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
136	Trương Triền Vinh	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
137	Huỳnh Phương Vy	6/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
138	Huỳnh Gia An	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
139	Dương Huỳnh Thanh Bảo	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
140	Nguyễn Lê Quỳnh Chi	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
141	Hoàng Gia Huy	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
142	Phan Huỳnh Gia Khang	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
143	Nguyễn Lê Minh Khang	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
144	Lương Tuấn Khang	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
145	Nguyễn Minh Khoa	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
146	Trịnh Tuấn Kiệt	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
147	Bùi Phúc Lộc	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
148	Phan Quang Bảo Minh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
149	Lê Công Minh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
150	Lương Gia Minh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
151	Đỗ Kiến Minh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
152	Trần Trà My	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
153	Phạm Nguyễn Trúc My	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
154	Lữ Ái Ngọc	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
155	Đặng Bảo Ngọc	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
156	Trần Phúc Nguyễn	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
157	Trần Hiếu Nhân	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
158	Tô An Phước	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
159	Nguyễn Ngọc Trúc Quyên	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
160	Phạm La Minh Sơn	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
161	Nguyễn Vĩnh Thành	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
162	Đoàn Văn Quốc Thịnh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
163	Hán Lâm Đức Trung	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
164	Nguyễn Bảo Tường	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
165	Lê Quốc Vinh	6/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
166	Cao Ngô Minh Anh	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
167	Trần Huỳnh Gia Bảo	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
168	Trương Đình Thanh Hải	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
169	Nguyễn Trí Hiếu	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
170	Vũ Trọng Hiếu	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
171	Vũ Gia Huy	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
172	Phan Tuấn Khải	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
173	Phạm Phúc Khang	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
174	Trần Đặng Đăng Khoa	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
175	Nguyễn Lê Anh Lạc	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
176	Trần Nguyễn Phương Linh	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
177	Nguyễn Lương Phúc Long	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
178	Trần Đoàn Kim Ngân	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
179	Nakasa Hoàng Bảo Ngọc	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
180	Trần Khánh Ngọc	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
181	Huỳnh Song Nguyên	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
182	Phạm Ái Nhi	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
183	Hoàng Mai Phương Nhi	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
184	Trần Võ Đại Phú	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
185	Nguyễn Hữu Phước	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
186	Thạch Uyên Phương	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
187	Nguyễn Hoàng Trung Tín	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
188	Lê Bá Hoàng Triều	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
189	Đoàn Khánh Vân	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
190	Nguyễn Võ Ngọc Thanh Vân	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
191	Đặng Nguyễn Khánh Vy	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
192	Nguyễn Mai Thiên Ý	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
193	Phạm Vũ Hoàng Yến	6/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
194	Hoàng Thiên An	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
195	Lê Ngọc Trâm Anh	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
196	Nguyễn Tú Anh	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
197	Nguyễn Quốc Bảo	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
198	Nguyễn Minh Châu	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
199	Võ Mỹ Đình	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
200	Nguyễn Phạm Trúc Hà	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
201	Nguyễn Nhật Huy	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
202	Đinh Hoàng Khang	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
203	Võ Trần Minh Khoa	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
204	Lê Nam	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
205	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
206	Hồ Như Ngọc	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
207	Nguyễn Thành Phát	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
208	Hồng Quang Thái	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
209	Trương Ngọc Tiên	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
210	Huỳnh Thủy Tiên	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
211	Nguyễn Việt Tiến	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
212	Vũ Thị Quỳnh Trâm	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
213	Nguyễn Ngọc Trần	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
214	Phan Duy Cao Trí	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
215	Đỗ Thành Trung	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
216	Võ Trần Minh Tuyết	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
217	Đỗ Mỹ Uyên	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
218	Trương Ngọc Phương Uyên	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
219	Nguyễn Hoàng Trúc Uyên	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
220	Hoàng Khánh Vân	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
221	Trần Thị Thanh Vân	6/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
222	Phạm Huỳnh Lê An	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
223	Đào Hồng Bảo Châu	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
224	Trần Ái Cơ	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
225	Nguyễn Trần Gia Hân	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
226	Lê Ngọc Hậu	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
227	Trần Gia Hiếu	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
228	Đỗ Kim Hồng	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
229	Nguyễn Đức Huy	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
230	Lưu Gia Huy	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
231	Bùi Hữu Khải	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
232	Đinh Quang Khôi	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
233	Dương Ngọc Thảo My	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
234	Hoàng Nguyễn Trà My	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
235	Nguyễn Hoàng Nam	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
236	Từ Khánh Ngọc	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
237	Huỳnh Lê Xuân Nguyên	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
238	Trần Phan Bích Nhã	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
239	Trần Hà Uyên Nhi	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
240	Trần Xuân Yên Nhi	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
241	Ung Nguyễn Quỳnh Như	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
242	Nguyễn Thành Phát	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
243	Ngô Thị Hồng Phước	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
244	Cao Nguyễn Ngọc Thảo	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
245	Lê Mỹ Tiên	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
246	Nguyễn Kim Phụng Tiên	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
247	Trần Anh Tuấn	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
248	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
249	Huỳnh Hạnh Vy	6/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
250	Lê Nhật Phương Anh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
251	Lê Quỳnh Anh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
252	Bùi Thế Anh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
253	Bùi Gia Bảo	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
254	Trần Quang Bảo	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
255	Phạm Đỗ Minh Đức	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
256	Trần Nhật Giang	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
257	Nguyễn Thái Nhật Huy	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
258	Nguyễn Chấn Hưng	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
259	Lê Thiên Trí Hữu	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
260	Nguyễn Lê Bảo Khang	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
261	Lê Lâm Khang	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
262	Trần Phú An Khanh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
263	Đỗ Gia Minh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
264	Đặng Quang Minh	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
265	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
266	Lê Nguyễn	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
267	Bùi Mai Phương	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
268	Lý Kiến Quốc	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
269	Trương Lương Nhã Thi	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
270	Nguyễn Hoàng Thiện	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
271	Nguyễn Đăng Xuân Thủy	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
272	Nguyễn Ngọc Minh Thư	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
273	Huỳnh Nhã Thư	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
274	Huỳnh Minh Tiến	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
275	Lê Cát Thiên Uyên	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
276	Lê Hoàng Thanh Vân	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
277	Nguyễn Tường Vy	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
278	Nguyễn Ngọc Như Ý	6/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
279	Phạm Minh Anh	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
280	Trần Phương Anh	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
281	Mai Đặng Xuân Anh	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
282	Đặng Quốc Bảo	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
283	Trần Trí Dũng	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
284	Lê Nguyễn Hải Đăng	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
285	Đỗ Khánh Đoan	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
286	Nguyễn Ngọc Hân	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
287	Nguyễn Chí Hùng	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
288	Nguyễn Kiến Khang	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
289	Võ Phúc Khang	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
290	Trần Võ Anh Khoa	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
291	Bùi Võ Anh Khôi	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
292	Lê Ngọc Nhã Kỳ	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
293	Trình Nhã Kỳ	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
294	Nguyễn Phúc Tường Linh	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
295	Lê Bảo Long	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
296	Nguyễn Hoàng Long	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
297	Nguyễn Tấn Minh	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
298	Đỗ Bảo Nghi	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
299	Nguyễn Tố Phương Nghi	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
300	Thái Bảo Ngọc	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
301	Sử Nguyễn	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
302	Nguyễn Trần Thảo Nguyễn	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
303	Trương Ý Nhi	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
304	Lưu Minh Thanh Phong	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
305	Nguyễn Minh Phú	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
306	Phạm Minh Khánh Tâm	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
307	Nguyễn Tuấn Thông	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
308	Nguyễn Minh Tiến	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
309	Võ Nguyễn Minh Triết	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
310	Trần Tuấn Vĩ	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
311	Lê Phạm Khánh Vy	7/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
312	Nguyễn Ngọc Bình An	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
313	Lê Phương Hoàng Anh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
314	Nguyễn Ngọc Phương Anh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
315	Lê Quốc Anh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
316	Ngô Văn Anh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
317	Nguyễn Thanh Bình	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
318	Phạm Ngọc Châu	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
319	Trần Phạm Uyên Chi	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
320	Trần Đồng Bảo Hân	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
321	Phạm Ngọc Bảo Hân	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
322	Dương Ngọc Hân	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
323	Bùi Trần Minh Khang	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
324	Trần Ngọc Khôi	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
325	Lương Hoàng Hải Lam	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
326	Đỗ Hiếu Lam	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
327	Nguyễn Hồng Lâm	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
328	Phan Thành Long	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
329	Huỳnh Lý Luân	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
330	Lưu Tuấn Minh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
331	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
332	Nguyễn Minh Ngọc	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
333	Nguyễn Đào Tiến Phát	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
334	Tô Nữ Thùy Phương	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
335	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
336	Nguyễn Thành Tài	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
337	Lê Minh Thiên	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
338	Huỳnh Phúc Thịnh	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
339	Trần Minh Thư	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
340	Vũ Thảo Minh Trang	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
341	Lê Nguyễn Bảo Trân	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
342	Hán Gia Tuệ	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
343	Huỳnh Khánh Phi Tuyết	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
344	Nguyễn Hà Phương Vy	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
345	Võ Ngọc Tường Vy	7/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
346	Hồ Nguyễn Gia An	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
347	Phạm Trường An	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
348	Đoàn Phương Anh	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
349	Nguyễn Ngọc Lan Chi	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
350	Nguyễn Ngô Ngọc Diệp	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
351	Nguyễn Công Duy	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
352	Trần Ngọc Khánh Hà	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
353	Đoàn Vũ Bảo Hân	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
354	Đào Phúc Hậu	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
355	Đỗ Nguyễn Hưng	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
356	Lại Dương Kha	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
357	Lâm Phước Khải	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
358	Lê Nam Khang	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
359	Danh Duy Khôi	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
360	Tôn Thất Trần Nguyễn Khôi	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
361	Nguyễn Hồng Mỹ Kim	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
362	Nguyễn Thị Hoàng Lam	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
363	Lê Hà Linh	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
364	Trần Lê Trúc Linh	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
365	Phạm Ngọc Bảo Minh	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
366	Ngô Nhật Nam	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
367	Nguyễn Hoàng Hiếu Nghĩa	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
368	Trần Trung Nghĩa	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
369	Nguyễn Phương Ngọc	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
370	Lê Trúc Nhi	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
371	Hoàng Bảo Nhiên	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
372	Trà Huỳnh Gia Phúc	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
373	Đậu Đăng Vĩnh Phúc	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
374	Văn Anh Phương	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
375	Nguyễn Thị Kiều Phương	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
376	Hứa Nhã Phương	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
377	Lâm Bảo Thy	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
378	Nguyễn Phan Minh Tú	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
379	Luân Thế Vinh	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
380	Phan Hoàng Thảo Vy	7/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
381	Lâm Ngọc Bảo Anh	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
382	Nguyễn Ngọc Minh Anh	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
383	Nguyễn Lê Ngọc Châu	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
384	Nguyễn Hải Đăng	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
385	Đỗ Ngọc Hà	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
386	Trần Đăng Mỹ Hân	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
387	Trần Ngọc Bích Hoàng	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
388	Hứa Minh Khang	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
389	Nguyễn Ngô Phúc Khang	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
390	Bùi Nguyên Khôi	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
391	Lê Trương Tuấn Kiệt	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
392	Nguyễn Hoàng Kim	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
393	Hồ Thiên Kim	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
394	Nguyễn Ngọc Bảo Lan	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
395	Nguyễn Thị Ngọc Linh	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
396	Tạ Quang Long	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
397	Lu Vĩ Luân	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
398	Bành Gia Mẫn	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
399	Hoàng Khởi Minh	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
400	Bùi Trọng Nghĩa	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
401	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
402	Lê Bích Ngọc	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
403	Trương Khả Như	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
404	Lâm Thịnh Phát	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
405	Huỳnh Ngọc Gia Phúc	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
406	Lê Quang Phúc	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
407	Nguyễn Quang Phúc	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
408	Nguyễn Huệ Phụng	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
409	Phạm Hoàng Anh Quân	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
410	Trang Lê Quỳnh	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
411	Nguyễn Ái Thảo	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
412	Nguyễn Hoàng Thiên	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
413	Trần Minh Thư	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
414	Nguyễn Cổ Minh Trí	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
415	Dương Quốc Vũ	7/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
416	Đỗ Ngọc Trâm Anh	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
417	Trần Ánh Châu	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
418	Lê Võ Mai Chi	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
419	Nguyễn Minh Duy	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
420	Phạm Minh Đăng	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
421	Cao Bảo Giang	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
422	Hồ Gia Hân	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
423	Võ Thừa Thái Hòa	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
424	Nguyễn Gia Huy	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
425	Nguyễn Phan Minh Khang	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
426	Trần Minh Khang	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
427	Nguyễn Minh Khôi	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
428	Thái Gia Lạc	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
429	Phạm Hoàng Lâm	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
430	Nguyễn Phạm Khánh Linh	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
431	Trần Nguyễn Hoàng Long	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
432	Lâm Trúc Mai	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
433	Đỗ Tuệ Mẫn	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
434	Nguyễn Duy Minh	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
435	Võ Ngọc Quốc Minh	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
436	Lâm Hoàng Nam	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
437	Mai Hoàng Nam	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
438	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
439	Nguyễn Hồng Phương Nhi	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
440	Trần Ái Như	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
441	Phạm Lan Phương	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
442	Võ Minh Quân	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
443	Phan Nguyễn Hoài Sơn	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
444	Thôi Thị Minh Thơ	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
445	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thy	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
446	Trịnh Phước Vinh	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
447	Võ Thanh Vy	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
448	Lê Hoàng Bảo Yến	7/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
449	Bùi Minh Anh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
450	Huỳnh Vũ Phương Anh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
451	Dương Huỳnh Tuệ Anh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
452	Lại Hoàng Bách	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
453	Trương Diệp Bảo	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
454	Trần Kiệt Bằng	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
455	Phan Vũ Bảo Châu	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
456	Nguyễn Ngọc Minh Châu	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
457	Võ Ngọc Quỳnh Chi	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
458	Huỳnh Phạm Minh Dương	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
459	Nguyễn Hải Đăng	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
460	Huỳnh Khánh Phúc Điền	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
461	Võ Việt Hà	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
462	Lê Đăng Huy	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
463	Nguyễn Phát Hưng	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
464	Ngô Bảo Khang	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
465	Nguyễn Duy Khang	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
466	Trần Anh Khoa	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
467	Nguyễn Đăng Khoa	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
468	Võ Anh Kiệt	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
469	La Mẫn Linh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
470	Huỳnh Ngọc Thảo Linh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
471	Trần Phi Long	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
472	Nguyễn Thái Long	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
473	Huỳnh Quốc Minh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
474	Trần Kim Ngân	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
475	Trần Nguyễn Phương Nghi	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
476	Phạm Thị Xuân Ngọc	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
477	Nguyễn Hồng Quân	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
478	Lê Minh Quân	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
479	Dương Lê Phước Sang	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
480	Phạm Huy Sơn	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
481	Trương Quốc Thịnh	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
482	Nguyễn Hoàng Phương Vy	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
483	Nguyễn Huỳnh Thục Vy	7/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
484	Nguyễn Dương Minh An	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
485	Phạm Quỳnh Anh	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
486	Võ Hoàng Gia Bảo	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
487	Nguyễn Ngọc Minh Châu	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
488	Võ Ngọc Kim Chi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
489	Vũ Thanh Dân	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
490	Ngô Tùng Dương	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
491	Trương Bảo Hân	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
492	Huỳnh Gia Hân	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
493	Nguyễn Ngọc Hiếu	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
494	Đỗ Hoàng Huy	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
495	Lại Quốc Huy	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
496	Trần Gia Hưng	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
497	Lý Kim Khánh	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
498	Tăng Ngọc Kim Khánh	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
499	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
500	Đông Đăng Khôi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
501	Nguyễn Hoàng Khôi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
502	Trần Minh Khôi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
503	Ngô Huỳnh Nguyễn Khôi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
504	Huỳnh Nguyễn Trúc Lam	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
505	Nguyễn Huỳnh Tú Linh	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
506	Trương Kiều My	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
507	Lê Ngọc Thiên Ngân	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
508	Nguyễn Hà Vương Nghi	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
509	Nguyễn Công Nguyễn	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
510	Nguyễn Ngô Thanh Nhã	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
511	Phan Ngọc Uyên Phương	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
512	Trần Ngọc Phương Quỳnh	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
513	Nguyễn Tấn Tài	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
514	Nguyễn Minh Thư	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
515	Trần Quang Bảo Tín	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
516	Lê Nguyễn Nhã Trúc	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
517	Lê Ngọc Phương Uyên	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
518	Nguyễn Ngọc Phương Vy	7/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
519	Phạm Duy Anh	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
520	Nguyễn Quỳnh Anh	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
521	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
522	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
523	Nguyễn Ngọc Phương Chi	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
524	Phạm Nguyễn Đăng	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
525	Hứa Ngô Kiến Hào	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
526	Thái Kim Hào	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
527	Phạm Minh Hoàng	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
528	Lê Văn Hùng	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
529	Bùi Gia Huy	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
530	Phạm Tuấn Hưng	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
531	Lê Phước Khang	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
532	Nguyễn Trí Khánh	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
533	Đặng Gia Khiêm	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
534	Phan Minh Khoa	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
535	Nguyễn Lê Nguyên Khoa	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
536	Nguyễn Tuấn Kiệt	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
537	Nguyễn Hoàng Kim	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
538	Lê Nguyễn Phương Nghi	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
539	Nguyễn Trung Nghĩa	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
540	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
541	Trương Bảo Ngọc	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
542	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
543	Lê Thảo Nguyên	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
544	Nguyễn Đình Phú	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
545	Huỳnh Hữu Phúc	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
546	Lê Minh Quân	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
547	Lê Ngọc Đan Thanh	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
548	Trịnh Mai Phương Thanh	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
549	Trần Anh Thư	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
550	Lê Châu Bảo Tiên	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
551	Kiến Ngọc Thùy Trâm	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
552	Thái Ngọc Bảo Trân	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
553	Trần Thanh Trúc	7/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
554	Lý Bình An	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
555	Đào Trần Gia An	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
556	Huỳnh Nguyễn Phương Anh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
557	Nguyễn Bảo Thùy Anh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
558	Đinh Mẫn Đình	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
559	Nguyễn Song Hương Giang	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
560	Hoàng Gia Hân	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
561	Lê Ngọc Gia Hân	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
562	Lâm Tuấn Hùng	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
563	Lê Huỳnh Đức Huy	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
564	Trần Ngọc Khánh Huy	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
565	Huỳnh Lê Anh Khoa	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
566	Trần Đăng Khoa	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
567	Tôn Thất Long	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
568	Nguyễn Dương Minh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
569	Trần Đoàn Nhật Minh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
570	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngân	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
571	Phạm Võ Bảo Ngọc	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
572	Đặng Thái Hương Nhi	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
573	Hán Lâm Thảo Nhi	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
574	Nguyễn Đức Vĩnh Phúc	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
575	Phan Thu Phương	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
576	Bùi Ngọc Xuân Quỳnh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
577	Hoàng Thị Bảo Thanh	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
578	Đặng Lâm Đường Thi	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
579	Đoàn Ngọc Nhật Thy	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
580	Nguyễn Lê Bảo Trân	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Sst	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
581	Phan Minh Trí	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
582	Phạm Hoàng Anh Tú	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
583	Lê Anh Vũ	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
584	Lê Kiều Vy	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
585	Nguyễn Phương Vy	8/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
586	Ngô Minh Nhật Anh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
587	Nguyễn Ngọc Lan Chi	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
588	Trần Gia Đạt	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
589	Lê Quân Đạt	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
590	Nguyễn Thành Đạt	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
591	Phan Trần Khánh Đăng	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
592	Đinh Ngọc Bảo Hân	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
593	Tô Ngọc Hùng	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
594	Lê Minh Khang	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
595	Trần Phan Kim Khánh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
596	Nguyễn Lan Khánh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
597	Ngô Phúc Khánh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
598	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
599	Lê Nam Lộc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
600	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
601	Trần Phạm Nguyễn Hoàng Minh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
602	Trương Nhật Minh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
603	Mai Hoàng Nhã Ngân	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
604	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
605	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
606	Phan Thị Bảo Ngọc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
607	Nguyễn Trần Khởi Nguyên	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
608	Đỗ Thảo Nhi	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
609	Lê Võ Gia Phú	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
610	Bùi Cao Xuân Phúc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
611	Lưu Minh Quân	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
612	Võ Minh Quân	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
613	Nguyễn Minh Quốc	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
614	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
615	Nguyễn Ái Thanh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
616	Nguyễn Duy Thịnh	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
617	Nguyễn Thành Thuận	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
618	Nguyễn Huỳnh Kim Thủy	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
619	Nguyễn Trần Anh Tuấn	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
620	Võ Minh Việt	8/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
621	Lê Trường An	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
622	Huỳnh Ngọc Phương Anh	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
623	Trần An Định	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
624	Phạm Chánh Định	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
625	Võ Đoàn Gia Hân	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
626	Nguyễn Lê Ngọc Hân	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
627	Nguyễn Thị Kim Hiền	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
628	Ngô Thanh Hoa	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
629	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
630	Ninh Ngọc Mỹ Huyền	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
631	Thái Phan Ngân Huyền	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
632	Nguyễn Đăng Minh Hương	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
633	Lê Vũ Ngọc Khanh	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
634	Nguyễn Thanh Long	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
635	Vũ Thành Luân	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
636	Nguyễn Hoàng Xuân Mai	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
637	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
638	Lưu Bảo Ngọc	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
639	Nguyễn Yên Ngọc	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
640	Đoàn Khôi Nguyên	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
641	Tô Trí Nguyên	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
642	Vũ Hoài Thảo Nhi	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
643	Nguyễn Thành Phát	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
644	Tô Đình Hồng Phúc	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
645	Kim Minh Phụng	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
646	Nguyễn Vũ Lam Phương	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
647	Nguyễn Nam Phương	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
648	Trần Thủy Tiên	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
649	Nguyễn Ngọc Trâm	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
650	Lâm Ngọc Bảo Trân	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
651	Nguyễn Dương Quang Trí	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
652	Lê Tường Vi	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
653	Phạm Ngọc Lan Vy	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
654	Nguyễn Hà Phương Vy	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
655	Võ Ngọc Tường Vy	8/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
656	Nguyễn Tuấn Anh	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
657	Nguyễn Hồng Ân	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
658	Trịnh Thiên Bảo	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
659	Nguyễn Ngọc Bích Hân	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
660	Lê Hoàng Gia Hân	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
661	Lâm Gia Hân	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
662	Nguyễn Trung Hiếu	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
663	Nguyễn Minh Hoàng	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
664	Đoàn Đức Huy	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
665	Nguyễn Ngọc Gia Hưng	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
666	Lê Quốc Hưng	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
667	Nguyễn Cao Khang	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
668	Nguyễn Lê Minh Khang	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
669	Phan Phúc Khang	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
670	Nguyễn Thị Phương Khanh	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
671	Huỳnh Ngô Yến Khanh	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
672	Phạm Quốc Đăng Khoa	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
673	Tạ Quang Lâm	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
674	Nguyễn Quỳnh Tú My	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
675	Phạm Nhật Nam	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
676	Nguyễn Thanh Gia Nghi	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
677	Hồng Bảo Ngọc	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
678	Phạm Hòa Thảo Nhi	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
679	Phạm Ngọc Như	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
680	Hồ Thị Hồng Phương	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
681	Nguyễn Ngọc Nam Phương	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
682	Phan Đặng Xuân Tâm	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
683	Hoàng Quốc Thắng	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
684	Ngô Đặng Ngọc Thúy	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
685	Mai Hoàng Thủy Tiên	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
686	Nguyễn Ngọc Minh Tú	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
687	Tiết Huỳnh Thủy Vy	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
688	Quách Mỹ Ý	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
689	Võ Ngọc Nguyên Ý	8/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
690	Phan Mỹ An	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
691	Trần Bảo Anh	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
692	Trần Hồ Minh Anh	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
693	Võ Ngọc Minh Anh	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
694	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
695	Trần Gia Bảo	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
696	Trần Ngọc Bảo Châu	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
697	Phạm Thị Anh Đào	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
698	Lâm Gia Hân	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
699	Trần Huy Hoàng	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
700	Lưu Tuấn Hoàng	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
701	Nguyễn Ngọc Duy Khang	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
702	Nguyễn Minh Khoa	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
703	Lâm Long Khương	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
704	Vương Nhữ Long	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
705	Nguyễn Võ Khánh Ly	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
706	Trần Vũ Trà My	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
707	Đỗ Thành Nhân	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
708	Phạm Quỳnh Nhi	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
709	Nguyễn Đặng Ngọc Như	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
710	Lê Minh Phú	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
711	Lê Quang Phú	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
712	Lưu Bửu Quân	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
713	Trương Thị Thanh Tâm	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
714	Lê Nhật Thiên	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
715	Trần Thị Hoài Thu	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
716	Phạm Quế Thy	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
717	Phạm Trí Tín	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
718	Đỗ Lê Minh Tú	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
719	Vương Thiện Tuấn	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
720	Nguyễn Quốc Việt	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
721	Hà Khánh Vy	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
722	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
723	Phạm Thị Thúy Vy	8/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
724	Phan Ngọc Minh Anh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
725	Nguyễn Quỳnh Anh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
726	Phạm Linh Đan	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
727	Võ Thị Trà Giang	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
728	Nguyễn Lê Đại Hùng	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
729	Đào Duy Hưng	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
730	Nguyễn Vũ Minh Khang	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
731	Bùi Đỗ Hoàng Kim	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
732	Huỳnh Tấn Lộc	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
733	Nguyễn Ngọc Lực	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
734	Phan Hoàng Nam	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
735	Nguyễn Hoàng Nhật Nam	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
736	Trần Hồng Ngân	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
737	Trần Thị Thanh Ngân	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
738	Trương Bửu Nghi	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
739	Võ Phương Nghi	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
740	Nguyễn Hữu Nhân	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
741	Lý Uyển Nhi	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
742	Lê Quốc Phú	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
743	Trần Hoàng Quân	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
744	Nguyễn Hoàng Định Quốc	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
745	Đổng Ngọc Đan Quỳnh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
746	Huỳnh Tín Tài	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
747	Nguyễn Minh Gia Thịnh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
748	Lại Huỳnh Nhất Thống	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
749	Quách Ngô Bửu Thy	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
750	Lê Thy	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
751	Mã Nhật Tiến	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
752	Nguyễn Nam Việt	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
753	Nguyễn Quốc Việt	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
754	Trần Cẩm Vinh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
755	Nguyễn Trường Vinh	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
756	Lê Ngọc Như Ý	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
757	Nguyễn Tăng Ngọc Yển	8/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
758	Nguyễn Lý Kim Anh	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
759	Phạm Gia Bảo	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
760	Huỳnh Minh Du	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
761	Nguyễn Trần Hữu Hào	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
762	Trần Gia Huy	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
763	Diệp Đỗ Gia Hưng	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
764	Nguyễn Tuấn Khải	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
765	Trần Ngọc Khang	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
766	Nguyễn Cao Minh Khuê	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
767	Trương Gia Kiên	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
768	Đinh Công Anh Kiệt	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
769	Nguyễn Thái Kiệt	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
770	Nguyễn Tuấn Kiệt	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
771	Nguyễn Hồ Yến Mai	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
772	Nguyễn Khoa Nam	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
773	Nguyễn Ngọc Ngân	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
774	Lâm Hoàng Phương Ngân	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
775	Đặng Phương Nghi	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
776	Trần Ngọc Nghĩa	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
777	Trương Phúc Minh Nguyễn	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
778	Đoàn Trương Bảo Nhi	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
779	Đào Thế Thành Phát	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
780	Trần Văn Phúc	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
781	Phạm Vũ Yến Phương	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
782	Nguyễn Tiến Tài	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
783	Nguyễn Nhật Tân	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
784	Nguyễn An Thái	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
785	Lê Minh Quốc Thái	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
786	Nguyễn Phúc Bá Thắng	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
787	Phạm Hoàng Anh Thư	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
788	Oách Đình Trọng	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
789	Diệp Hoàng Minh Văn	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
790	Nguyễn Hoàng Việt	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
791	Nguyễn Ngọc Minh Vy	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
792	Nguyễn Ngọc Vỹ	8/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
793	Phan Huỳnh Gia An	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
794	Bùi Hải Anh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
795	Phạm Minh Anh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
796	Nguyễn Hồng Khánh Chi	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
797	Lê Thành Đạt	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
798	Nguyễn Trần Vĩ Đạt	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
799	Lý Nguyễn Anh Hào	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
800	Trần Lê Gia Huy	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
801	Trần Gia Huy	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
802	Nguyễn Bảo Phương Khanh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
803	Bùi Hữu Đăng Khoa	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
804	Lưu Tuấn Kiệt	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
805	Phan Hoàng Long	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
806	Lê Minh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
807	Nguyễn Hoàng Nam	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
808	Nguyễn Phúc Gia Nghi	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
809	Trần Nguyễn Phương Nghi	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
810	Kiều Tấn Tuấn Nghĩa	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
811	Nguyễn Trương Thiên Ngọc	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
812	Huỳnh Thị Tuyết Như	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
813	Lý Thanh Phong	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
814	Nguyễn Ngọc Phương	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
815	Nguyễn Ngọc Yến Phương	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
816	Dương Văn Tài	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
817	Nguyễn Chí Thanh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
818	Lê Nguyễn Đức Thành	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
819	Lưu Gia Thành	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
820	Nguyễn Hữu Thịnh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
821	Nguyễn Anh Thy	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
822	Phan Ngọc Kim Tiên	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
823	Koong Gia Tiến	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
824	Nguyễn Huỳnh Trâm	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
825	Ngô Quang Vinh	8/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
826	Lâm Bảo Châu	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
827	Ngô Tấn Đạt	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
828	Nguyễn Thanh Hải	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
829	Nguyễn Hoàng Mỹ Hiền	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
830	Lê Gia Huy	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
831	Vương Hoàng Quỳnh Hương	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
832	Lê Nguyễn Minh Hy	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
833	Lê Phan Hoàng Kim	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
834	Lê Ngọc Nhã Kỳ	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
835	Ngô Nhã Kỳ	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
836	Nguyễn Ngọc Thanh Lam	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
837	Huỳnh Xuân Mai	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
838	Trần Hoàng Uyên Mỹ	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
839	Nguyễn Hoàng Nam	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
840	Tạ Thị Bảo Ngọc	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
841	Châu Mỹ Ngọc	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
842	Nguyễn Tâm Như Ngọc	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
843	Lê Hoàng Phúc	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
844	Nguyễn Mai Phương	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
845	Nguyễn Minh Quân	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
846	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
847	Nguyễn Nhựt Tân	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
848	Lê Thị Thiên Thanh	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
849	Hoàng Tất Thắng	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
850	Trần Văn Thắng	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
851	Nguyễn Bảo Thịnh	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
852	Lê Minh Thư	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
853	Nguyễn Hữu Tín	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
854	Nguyễn Ngọc Minh Triết	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
855	Lê Anh Tuấn	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
856	Phạm Đình Tùng	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
857	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
858	Hồ Huỳnh Hoàng Yến	8/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
859	Phan Hoài An	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
860	Hà Uyên Ân	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
861	Võ Duy Bảo	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
862	Nguyễn Trí Dũng	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
863	Nguyễn Phạm Bảo Duy	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
864	Nguyễn Ngọc Duyên	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
865	Nguyễn Hai Đăng	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
866	Phạm Minh Hiền	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
867	Lê Trần Nhật Huy	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
868	Trần Việt Huy	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
869	Huỳnh Gia Khang	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
870	Trần Thị Nhã Khoa	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
871	Nguyễn Ngọc Phương Linh	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
872	Phan Hồng Long	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
873	Huỳnh Nguyễn Thảo Ly	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
874	Bùi Ngọc Minh	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
875	Hồ Phương Ngân	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
876	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
877	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
878	Trần Tú Nhi	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
879	Nguyễn Mai Tuyết Nhi	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
880	Võ Nguyễn Ý Nhi	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
881	Đỗ Lê Phước	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
882	Nguyễn Hoàng Cát Phương	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
883	Nguyễn Phúc Nhật Thanh	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
884	Phan Nguyễn Trường Thành	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
885	Tô Phương Thủy	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
886	Trương Minh Trí	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
887	Đặng Minh Triết	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
888	Lâm Nguyễn Thanh Trúc	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
889	Phan Nguyễn Phương Uyên	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
890	Trần Phương Vy	9/1	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
891	Nguyễn Tấn Hoài An	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
892	Nguyễn Đào Lan Anh	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
893	Hồ Trương Minh Anh	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
894	Thái Gia Ân	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
895	Lưu Gia Bảo	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
896	Nguyễn Hải Đăng	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
897	Phạm Vũ Gia Hân	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
898	Nguyễn Khả Hân	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
899	Võ Trung Hiếu	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
900	Lâm Thế Hưng	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
901	Trần Minh Khang	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
902	Trần Minh Khoa	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
903	Bành Gia Lạc	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
904	Phạm Thị Phương Lan	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
905	Dương Đức Mạnh	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
906	Nguyễn Phước Khánh Minh	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
907	Nguyễn Nghĩa Trí Minh	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
908	Nguyễn Ánh Ngân	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
909	Huỳnh Bảo Nguyên	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
910	Nguyễn Đình Phong	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
911	Diệp Hoàng Minh Phong	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
912	Chế Thanh Phúc	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
913	Võ Hoàng Nam Phương	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
914	Phạm Đỗ Anh Quân	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
915	Trần Kim Tài	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
916	Hoàng Minh Tâm	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
917	Lê Nguyễn Bá Thi	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
918	Nguyễn Thiên Văn	9/2	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
919	Nguyễn Ngọc Khánh An	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
920	Võ Nguyễn Phúc Bảo	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
921	Huỳnh Phạm Thùy Dương	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
922	Trần Ngọc Hà	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
923	Nguyễn Thế Khang	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
924	Trần Thu Khiết	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
925	Nguyễn Lâm Đăng Anh Kiệt	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
926	Nguyễn Kim Thanh Liễu	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
927	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
928	Nguyễn Ái Nghi	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
929	Trần Ngọc Phương Nghi	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
930	Nguy Thực Nghi	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
931	Dương Khánh Ngọc	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
932	Nguyễn Phúc Nguyên	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
933	Lương Võ Khánh Nhật	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
934	Trang Tấn Phúc	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
935	Ngô Kim Phụng	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
936	Nguyễn Mai Phương	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
937	Lê Hoàng Quân	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
938	Phạm Thiên Thiên	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
939	Lê Kiến Thịnh	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
940	Hồ Anh Thư	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
941	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
942	Đào Hoàng Minh Thy	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
943	Nguyễn Ngọc Trâm	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
944	Tổng Huỳnh Bảo Trân	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
945	Phạm Ngọc Bảo Trân	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
946	Nguyễn Minh Trường	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
947	Phạm Gia Tuấn	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
948	Phạm Ngọc Việt	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
949	Phạm Hữu Vinh	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
950	Nguyễn Hoàng Minh Vy	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
951	Đinh Nguyễn Ngọc Vy	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
952	Nguyễn Hoàng Yến	9/3	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
953	Lê Đỗ Thùy An	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
954	Nguyễn Quỳnh Anh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
955	Nguyễn Thế Anh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
956	Trần Tuấn Anh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
957	Nguyễn Ngọc Yến Anh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
958	Võ Trần Trí Bảo	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
959	Võ Hoàng Bảo Châu	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
960	Nguyễn Khánh Châu	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
961	Lý Trác Đông	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
962	Nguyễn Ngọc Gia Hân	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
963	Ngô Chấn Hưng	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
964	Quách Vĩ Kiệt	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
965	Trần Thy Kỳ	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
966	Nguyễn Cảnh Hoàng Lâm	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
967	Đào Khang Minh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
968	Nguyễn Lê Thu Minh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
969	Từ Dương Gia Nghi	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
970	Huỳnh Giáo Nghi	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
971	Nguyễn Khánh Ngọc	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
972	Nguyễn Thị Thanh Nhã	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
973	Trần Hiền Nhi	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
974	Huỳnh Phương Như	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
975	Lê Ngọc Tuyết Như	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
976	Tê Duy Phúc	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
977	Phan Dũng Quân	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
978	Nguyễn Bảo Tâm	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
979	Nguyễn Thanh Toàn	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
980	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
981	Đinh Việt Bảo Trâm	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
982	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
983	Mai Phương Trinh	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
984	Lê Phạm Khánh Vân	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
985	Nguyễn Tường Vy	9/4	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
986	Võ Ngọc Minh Anh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
987	Cao Nguyễn Minh Anh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
988	Phan Thụy Tố Anh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
989	Mai Hồng Ân	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
990	Trần Dương Anh Bảo	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
991	Đỗ Gia Bảo	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
992	Nguyễn Lê Minh Châu	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
993	Bùi Lâm Thanh Dinh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
994	Đỗ Gia Hân	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
995	Lê Minh Khang	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
996	Nguyễn Lê Minh Khánh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
997	Nguyễn Đình Khôi	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
998	Trương Ngọc Hoàng Kim	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
999	Lê Quang Kỳ	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1000	Đỗ Xuân Lâm	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1001	Trương Nguyễn Thiên Long	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1002	Trần Kim Ngân	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1003	Thị Bội Nghi	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1004	Nguyễn Kim Dáng Ngọc	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1005	Vũ Dương Thảo Ngọc	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1006	Phạm Thị Tuyết Nhi	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1007	Liêu Linh Phối	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1008	Bùi Hữu Phúc	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1009	Trần Ngọc Uyên Phương	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1010	Lê Ngô Phương Thảo	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1011	Ninh Lưu Hưng Thịnh	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1012	Trương Trung Toàn	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1013	Nguyễn Đình Khánh Trâm	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1014	Nguyễn Lê Hoàng Trăn	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1015	Đỗ Lê Minh Trí	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1016	Lê Nguyễn Hồng Vy	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1017	Lưu Gia Yến	9/5	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1018	Phan Minh Anh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1019	Võ Quốc Bảo	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1020	Võ Thái Ngọc Châu	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1021	Lê Trần Minh Đức	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1022	Nguyễn Gia Hân	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1023	Huỳnh Ngọc Hân	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1024	Võ Duy Khang	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1025	Nguyễn Ngọc Khánh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1026	Nguyễn Quốc Khánh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1027	Lê Viết Quốc Khánh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1028	Cao Thị Ngọc Lam	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1029	Trần Phúc Gia Linh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1030	Lê Trần Ngọc Minh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1031	Ngô Trí Minh	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1032	Phan Thị Kim Ngân	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1033	Nguyễn Hoàng Nhật	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1034	Hà Tuyết Nhi	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1035	Vòng Phi Tuyết Nhi	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1036	Nguyễn Cao Quỳnh Như	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1037	Huỳnh Tâm Như	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1038	Trần Ngọc Tâm Như	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1039	Vũ Bảo Phúc	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1040	Phan Mỹ Phụng	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1041	Nguyễn Phước Sang	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1042	Nguyễn Thế Tâm	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1043	Trần Tăng Quốc Thắng	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1044	Đoàn Ngọc Anla Thư	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1045	Nguyễn Võ Anh Thư	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1046	Lê Phạm Minh Trí	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1047	Nguyễn Minh Tríết	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1048	Lưu Phạm Hoài Tuấn	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1049	Nguyễn Ngọc Yến	9/6	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1050	Phạm Đức Anh	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1051	Nguyễn Minh Đan	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1052	Nguyễn Gia Hân	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1053	Tạ Cẩm Hùng	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1054	Lê Mã Nhật Huy	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1055	Trần Huỳnh Thiên Khải	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1056	Nguyễn Hoàng Khang	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1057	Lê Trần Minh Khang	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1058	Võ Nguyễn Khang	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1059	Lại Hoàng Gia Khiêm	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1060	Trần Hoàng Anh Kiệt	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1061	Bùi Tuấn Kiệt	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1062	Trần Võ Minh Long	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1063	Lê Nguyễn Đại Lộc	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1064	Nguyễn Quang Minh	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1065	Nguyễn Lê Gia Mỹ	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1066	Ninh Thị Thu Ngọc	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1067	Khúc Huỳnh Chánh Nhân	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1068	Lê Yến Nhi	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1069	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1070	Trịnh Thị Khánh Phương	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1071	Nguyễn Minh Quang	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1072	Huỳnh Vĩnh Tài	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1073	Lâm Phước Thành	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1074	Nguyễn Gia Thịnh	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1075	Nguyễn Thị Thanh Tiên	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1076	Nguyễn Anh Trâm	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Sst	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1077	Lê Ngọc Minh Trí	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1078	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1079	Trịnh Hoàng Thúy Vy	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1080	Đặng Ngọc Như Ý	9/7	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1081	Lâm Gia Bảo	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1082	La Bảo Châu	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1083	Nguyễn Phương Bảo Châu	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1084	Lâm Bảo Di	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1085	Nguyễn Tuấn Đạt	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1086	Huỳnh Tấn Giàu	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1087	Phạm Nhật Huy	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1088	Trần Trọng Hy	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1089	Trương Dịch Lâm	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1090	Nguyễn Hào Nhân	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1091	Ngô Minh Nhật	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1092	Huỳnh Hạnh Nhi	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1093	Nguyễn Ngọc Sơn Nhi	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1094	Đỗ Lê Yến Nhi	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1095	Hoàng Ngọc Như	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1096	Phạm Ngọc Quỳnh Như	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1097	Đặng Minh Phát	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1098	Châu Thị Như Quỳnh	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1099	Nguyễn Minh Nhật Sa. Pha. Y	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1100	Phạm Ngọc Bảo Thanh	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1101	Lâm Phú Thành	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1102	Huỳnh Kim Thơ	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1103	Lý Quang Thuận	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1104	Trắc Ngọc Thanh Thủy	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1105	Đặng Ngọc Tiến	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1106	Nguyễn Lê Ngọc Trán	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1107	Đặng Minh Trí	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		



Stt	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1108	Vương Chí Vĩ	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1109	Lương Khánh Xuân	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1110	Dương Tấn Mỹ Ý	9/8	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1111	Phan Hoài Ân	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1112	Nguyễn Phan Vỹ Ân	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1113	Trần Quang Dũng	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1114	Mai Thanh Hạnh	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1115	Trần Gia Hào	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1116	Huỳnh Gia Hân	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1117	Cao Kim Hoàn	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1118	Trịnh Gia Huy	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1119	Trương Thị Diệu Huyền	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1120	Huỳnh Thế Hưng	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1121	Nguyễn Song Vĩnh Khang	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1122	Dương Hồng Anh Khoa	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1123	Tổng Đức Minh Khôi	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1124	Huỳnh Châu Thiên Lộc	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1125	Dương Nhật Nam	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1126	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1127	Trần Gia Nghi	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1128	Bùi Nguyễn Bích Ngọc	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1129	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1130	Trần Thị Tuyết Ngọc	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1131	Trịnh Hồng Phát	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1132	Võ Tấn Phát	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1133	Lưu Phạm Minh Quân	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1134	Nguyễn Văn Quý	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1135	Ngô Huỳnh Thiên	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1136	Huỳnh Nhã Thy	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1137	Nguyễn Hoàng Thảo Uyên	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1138	Nguyễn Quốc Việt	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		

Sst	Họ tên học sinh	Lớp	Đối tượng hỗ trợ học phí theo NQ 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Mức thu học phí theo quy định/ tháng	Mức đề nghị cấp bù	Số tháng đề nghị cấp bù	Kinh phí đề nghị cấp bù (đồng)	Ký nhận	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1139	Nguyễn Lâm Bảo Vy	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1140	Cao Trí Vỹ	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
1141	Phùng Tuấn Vỹ	9/9	Học sinh THCS	100.000	40.000	9	360.000		
Tổng cộng							410.760.000		

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm mười triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng.

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Linh

Quận 8, ngày 22 tháng 12 năm 2022



 HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Long Giao